

Số: 01/2021/QĐST-CNKQH

Như Thanh, ngày 21 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

Thẩm phán ra quyết định: Ông **Lê Đình Huy**

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 22 tháng 4 năm 2021 và các tài liệu kèm theo, về việc các bên đã thỏa thuận, thống nhất giải quyết được toàn bộ nội dung đơn khởi kiện về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" giữa:

- *Người khởi kiện:* Chị Lê Thị Q, sinh ngày 12/02/1991

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người bị kiện:* Anh Nguyễn Hữu N, sinh ngày 10/9/1992

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

XÉT THẤY:

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 22/4/2021 có đủ điều kiện được công nhận kết quả hòa giải thành.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án, giữa: Chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Hữu N.

2. Công nhận sự thỏa thuận, thống nhất của các bên tham gia hòa giải cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Hữu N thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Hữu N thống nhất có 01 con chung là Nguyễn Hữu Q, sinh ngày 28/5/2016.

Hai bên thỏa thuận: anh Lê Hữu N trực tiếp nuôi cháu Q, chị Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2021 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Chị Q có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở

- *Về tài sản và công nợ:* Chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Hữu N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Hữu N thống nhất mỗi người chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:

- Các bên đã thỏa thuận;
- VKSND huyện Như Thanh;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Như Thanh;
- UBND xã H, thị xã N;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Lê Đình Huy